

VĂN HÓA HỌC TẬP SỐ KẾT NỐI CỘNG ĐỒNG VÀ LAN TỎA TRI THỨC

Nguyễn Hải Long¹, Nguyễn Quốc Duy²
Email: quocduynguyen57@gmail.com

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 19/08/2025

Ngày phản biện đánh giá: 13/10/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 24/10/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.759

Tóm tắt: Trong bối cảnh chuyển đổi số và sự bùng nổ của Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, văn hóa học tập số có vai trò như một động lực then chốt, không chỉ định hình lại cách thức cá nhân tiếp thu tri thức mà còn là cách các cộng đồng tương tác và lan tỏa tri thức một cách hiệu quả. Bài viết này phân tích một cách hệ thống các cơ chế mà văn hóa học tập số tạo điều kiện thuận lợi cho việc kết nối cộng đồng, thúc đẩy hợp tác và đồng kiến tạo tri thức, từ đó mở rộng phạm vi và tốc độ lan tỏa thông tin. Đồng thời, bài viết cũng đánh giá thực trạng phát triển văn hóa học tập số tại Việt Nam, nhận diện những cơ hội và thách thức đặc thù. Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc nuôi dưỡng văn hóa học tập số là một chiến lược phát triển quốc gia, góp phần xây dựng một xã hội học tập linh hoạt, bền vững, giảm thiểu khoảng cách số và nâng cao năng lực cạnh tranh trong kỷ nguyên tri thức. Từ đó, đề xuất một khung giải pháp đa chiều nhằm thúc đẩy quá trình này tại Việt Nam.

Từ khóa: Văn hóa học tập số, cộng đồng học tập, lan tỏa tri thức, chuyển đổi số, học tập suốt đời, công dân số, hợp tác số

I. Đặt vấn đề

Cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0), với sự bùng nổ của các công nghệ như AI, Big Data, IoT và Cloud Computing (Schwab, 2016), đã định hình lại sâu sắc cách thức con người học hỏi và làm việc. Trong bối cảnh này, học tập suốt đời trở thành yêu cầu sống còn (UNESCO, 2015). Để hiện thực hóa

điều này, việc hình thành một “văn hóa học tập số” mạnh mẽ là điều thiết yếu. Văn hóa học tập số không chỉ là việc sử dụng công nghệ trong giáo dục, mà là một tập hợp các giá trị, thái độ và thực tiễn xã hội, nơi công nghệ số được tích hợp tự nhiên vào mọi khía cạnh của quá trình học hỏi, chia sẻ và kiến tạo tri thức (OECD, 2016). Văn hóa này đóng vai trò

¹ Học viện Lục quân, Bộ Quốc phòng

² Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng

then chốt trong việc kết nối các cá nhân thành các cộng đồng học tập số năng động và thúc đẩy sự lan tỏa tri thức vượt qua các rào cản truyền thống về không gian và thời gian. Khả năng kết nối và lan tỏa tri thức này là nền tảng để xây dựng một xã hội thông minh, thích ứng và công bằng hơn. Việc thiếu vắng văn hóa này có thể dẫn đến cô lập tri thức và gia tăng khoảng cách số. Đối với Việt Nam, với tầm nhìn trở thành một quốc gia số, nền kinh tế số và xã hội số vào năm 2045 (Bộ Chính trị, 2019), việc thúc đẩy văn hóa học tập số là nhiệm vụ cấp thiết. Mặc dù Chính phủ đã triển khai nhiều chương trình về chuyển đổi số và xây dựng xã hội học tập (Thủ tướng Chính phủ, 2020a; 2021a), nhưng để những chính sách này tạo ra tác động bền vững, việc xây dựng một văn hóa học tập số vững chắc, có khả năng kết nối cộng đồng và lan tỏa tri thức hiệu quả, là điều kiện tiên quyết.

II. Cơ sở lý thuyết

Để hiểu vai trò của học tập số, cần phân tích mối liên hệ tương hỗ giữa Văn hóa học tập số, Cộng đồng học tập số (DLCs) và Lan tỏa tri thức.

Văn hóa học tập số là tập hợp các giá trị, thái độ, niềm tin và hành vi được chia sẻ, nơi công nghệ số được tích hợp tự nhiên, chủ động và có trách nhiệm vào việc học và chia sẻ tri thức (OECD, 2016). Các đặc trưng chính bao gồm: tư duy mở và sẵn sàng thay đổi (Dweck, 2006); năng lực số toàn diện (Ferrari, 2013); tinh thần chủ động và tự định hướng (Knowles, 1975); hợp tác và chia sẻ tri thức (Kruzmetra et al., 2016); và ứng dụng công nghệ để đổi mới.

Cộng đồng học tập số (DLCs) (Wenger, 1998) là các nhóm cá nhân có chung mục tiêu học tập, tương tác và

học hỏi lẫn nhau chủ yếu qua nền tảng số. DLCs phá vỡ rào cản địa lý, bao gồm Cộng đồng thực hành trực tuyến, Cộng đồng khóa học trực tuyến (MOOCs) và Mạng xã hội học tập.

Lan tỏa tri thức là quá trình truyền đạt và phân phối kiến thức. Trong kỷ nguyên số, quá trình này được tăng tốc nhờ tính phổ cập, dễ dàng truy cập (OER) (UNESCO, 2021a) và đa dạng định dạng (video, mô phỏng), cùng với tương tác hai chiều.

Mối liên hệ bản chất nằm ở chu trình tương hỗ:

Văn hóa học tập số là nền tảng cho sự tham gia: Văn hóa coi trọng năng lực số và chia sẻ khuyến khích cá nhân chủ động tham gia và đóng góp vào DLCs.

DLCs là môi trường cho đồng kiến tạo: Cá nhân trong DLCs tương tác, giải quyết vấn đề và đồng kiến tạo tri thức mới, làm sâu sắc thêm sự hiểu biết (Wenger, 1998).

Lan tỏa tri thức là sản phẩm của cộng đồng và văn hóa: Tri thức được kiến tạo trong DLCs dễ dàng được số hóa (qua OER) và lan tỏa rộng rãi. Quá trình lan tỏa này lại quay trở lại củng cố văn hóa học tập số bằng cách khuyến khích nhiều người tham gia vào chu trình tạo và chia sẻ tri thức.

Văn hóa củng cố khả năng tiếp nhận và ứng dụng: Cộng đồng có văn hóa học tập số sẽ hiệu quả hơn trong việc tìm kiếm, đánh giá, tiếp nhận và ứng dụng tri thức được lan tỏa.

Như vậy, Văn hóa học tập số là điều kiện cần và là yếu tố thúc đẩy để tạo ra các DLCs năng động, từ đó đẩy mạnh quá trình lan tỏa tri thức, góp phần xây dựng một xã hội thông thái và đổi mới.

III. Vai trò của văn hóa học tập số trong kết nối cộng đồng và lan tỏa tri thức

3.1. Phá vỡ rào cản địa lý, thời gian và xã hội

Một trong những vai trò quan trọng nhất của văn hóa học tập số là khả năng xóa nhòa các rào cản truyền thống. Trước đây, các cộng đồng học tập thường bị giới hạn bởi vị trí địa lý hoặc giờ giấc cụ thể. Tuy nhiên, với các công cụ số như diễn đàn trực tuyến, hội nghị video, hệ thống quản lý học tập (LMS), và mạng xã hội, các cá nhân có thể kết nối và học hỏi lẫn nhau bất kể họ đang ở đâu hay vào thời điểm nào (Siemens, 2005). Điều này đặc biệt có ý nghĩa đối với các quốc gia có địa hình phức tạp hoặc dân số phân bố rộng như Việt Nam, cho phép người dân ở vùng sâu, vùng xa tiếp cận tri thức và kết nối với các chuyên gia, đồng nghiệp ở thành thị hoặc trên toàn cầu (Nguyễn Thị Lan Hương, 2022). Hơn nữa, nó còn phá vỡ các rào cản xã hội, cho phép các nhóm yếu thế, người khuyết tật hoặc những người có hoàn cảnh đặc biệt tham gia vào các cộng đồng học tập mà không gặp trở ngại về di chuyển hay tiếp cận vật lý.

3.2. Thúc đẩy học tập cộng tác và đồng kiến tạo tri thức

Văn hóa học tập số nuôi dưỡng một môi trường nơi học tập không chỉ là hành vi cá nhân mà là một hoạt động cộng tác. Các công cụ số như Google Workspace, Microsoft 365, Miro hay Slack cung cấp khả năng làm việc nhóm từ xa, chia sẻ tài liệu, góp ý và chỉnh sửa nội dung trong thời gian thực. Điều này tạo điều kiện cho học tập cộng tác và đồng kiến tạo tri thức. Trong các cộng đồng học tập số, người học không chỉ tiếp thu thông tin mà còn chủ động tham gia vào quá trình tạo ra tri thức mới thông qua các dự án nhóm, thảo

luận giải quyết vấn đề, hay đóng góp vào các wiki, cơ sở dữ liệu chung (Kruzmetra et al., 2016). Quá trình này không chỉ làm sâu sắc thêm sự hiểu biết mà còn phát triển các kỹ năng mềm quan trọng như làm việc nhóm, giao tiếp và tư duy phản biện.

3.3. Nâng cao khả năng tiếp cận và công bằng trong giáo dục

Văn hóa học tập số, kết hợp với các sáng kiến như Tài liệu Giáo dục Mở (OER) và các khóa học trực tuyến đại chúng mở (MOOCs), đã mở ra cánh cửa tri thức cho hàng triệu người trên thế giới, bất kể địa vị kinh tế hay xã hội. Việc số hóa và chia sẻ học liệu miễn phí hoặc với chi phí thấp giúp giảm đáng kể chi phí học tập, làm cho giáo dục chất lượng cao trở nên dễ tiếp cận hơn (UNESCO, 2021a). Các nền tảng học tập số còn cho phép cá nhân hóa lộ trình học tập, đáp ứng nhu cầu và tốc độ riêng của từng người học, từ đó nâng cao hiệu quả giáo dục và giảm thiểu tỷ lệ bỏ học. Điều này góp phần quan trọng vào việc thực hiện Mục tiêu Phát triển Bền vững số 4 (SDG 4) về giáo dục có chất lượng và công bằng.

3.4. Xây dựng không gian đối thoại và chia sẻ đa chiều

Các nền tảng số cung cấp không gian lý tưởng cho đối thoại đa chiều, nơi các ý tưởng được trao đổi, tranh luận và mài giũa. Diễn đàn trực tuyến, mạng xã hội chuyên ngành, các blog và podcast cho phép các chuyên gia, người học và công chúng tương tác trực tiếp, đặt câu hỏi và chia sẻ quan điểm. Điều này không chỉ giúp lan tỏa tri thức chuyên sâu mà còn kích thích tư duy phản biện, khuyến khích sự đa dạng trong quan điểm và tạo ra những kết nối có giá trị giữa những người có cùng sở thích hoặc lĩnh vực nghiên cứu (Siemens, 2005). Trong bối cảnh Việt

Nam, các không gian đối thoại số có thể giúp kết nối các nhà khoa học, nhà nghiên cứu và cộng đồng doanh nghiệp để giải quyết các vấn đề thực tiễn của đất nước (Bộ Khoa học và Công nghệ, 2022).

3.5. Kích thích đổi mới sáng tạo và giải quyết vấn đề tập thể.

Văn hóa học tập số tạo ra một môi trường thuận lợi cho đổi mới sáng tạo thông qua các cơ chế như crowdsourcing (huy động trí tuệ cộng đồng) và open innovation (đổi mới mở). Khi tri thức được lan tỏa rộng rãi và các cộng đồng được kết nối, các ý tưởng mới có thể nhanh chóng được chia sẻ, phát triển và thử nghiệm. Các cá nhân từ nhiều lĩnh vực khác nhau có thể hợp tác để giải quyết các vấn đề phức tạp mà một cá nhân hoặc một tổ chức đơn lẻ khó có thể làm được. Điều này không chỉ thúc đẩy sự sáng tạo trong nghiên cứu và phát triển mà còn tạo ra các giải pháp thực tiễn cho các thách thức xã hội và kinh tế, góp phần vào Mục tiêu Phát triển Bền vững số 9 (SDG 9) về công nghiệp, đổi mới và cơ sở hạ tầng.

IV. Thực trạng và thách thức trong việc phát triển văn hóa học tập số tại Việt Nam

Việt Nam đã nhận thức rõ tầm quan trọng của chuyển đổi số và xây dựng xã hội học tập. Các chính sách cấp cao như Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (2019), Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Thủ tướng Chính phủ, 2020a) và Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” (Thủ tướng Chính phủ, 2021a) đã tạo hành lang pháp lý và định hướng chiến lược cho quá trình này. Tỷ lệ người dân sử dụng internet ở Việt Nam khá cao (hơn 70% dân số vào

năm 2022 theo Bộ Thông tin và Truyền thông, 2023), và hạ tầng viễn thông tiếp tục được mở rộng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận thông tin và các nền tảng học tập số.

Tuy nhiên, hành trình phát triển một văn hóa học tập số mạnh mẽ, có khả năng kết nối cộng đồng và lan tỏa tri thức thực sự vẫn đối mặt với nhiều thách thức đáng kể:

4.1. Khoảng cách số và bất bình đẳng trong năng lực số.

Mặc dù tỷ lệ người sử dụng internet cao, nhưng năng lực số thực tế vẫn còn chênh lệch lớn giữa các vùng miền, thế hệ và nhóm đối tượng. Người dân ở khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa vẫn còn hạn chế về khả năng tiếp cận thiết bị thông minh, chất lượng kết nối và các chương trình đào tạo chuyên sâu (Nguyễn Thị Lan Hương, 2022). Người lớn tuổi, lao động phổ thông thường chỉ có các kỹ năng số cơ bản, gặp khó khăn trong việc sử dụng các công cụ học tập phức tạp, tham gia vào các cộng đồng trực tuyến hoặc đánh giá độ tin cậy của thông tin. Khoảng cách số này không chỉ là về hạ tầng mà còn là về kỹ năng sử dụng nâng cao và tư duy số, vốn là yếu tố quan trọng để chuyển từ “tiếp cận” sang “tham gia tích cực” và “đồng kiến tạo”.

4.2. Chất lượng và tính phù hợp của học liệu số và nền tảng học tập.

Số lượng học liệu số, đặc biệt là tài liệu giáo dục mở (OER) và các khóa học trực tuyến đại chúng mở (MOOCs) bằng tiếng Việt, đã tăng lên nhưng vẫn còn hạn chế về chất lượng, tính cập nhật và sự phù hợp với nhu cầu đa dạng của người học Việt Nam (Bùi Thị Mai Hương, 2023). Nhiều nền tảng học tập số chưa được thiết

kể tối ưu về mặt trải nghiệm người dùng, khả năng tương tác và liên thông dữ liệu, gây khó khăn cho việc hình thành các cộng đồng học tập bền vững. Việc thiếu các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng rõ ràng cho học liệu và nền tảng số cũng là một rào cản.

4.3. Rào cản về nhận thức và tư duy học tập truyền thống.

Văn hóa học tập tại Việt Nam vẫn còn chịu ảnh hưởng nặng bởi tư duy truyền thống, chú trọng bằng cấp và hình thức học chính quy, ít khuyến khích học tập phi chính quy, không chính quy hoặc tự học (Trần Khánh Dư, 2020). Nhiều người vẫn coi việc học là một quá trình tuần tự, kết thúc sau khi rời ghế nhà trường, chứ không phải là một hành trình suốt đời. Tâm lý ngại chia sẻ kiến thức, lo sợ “lộ bí quyết” cũng làm chậm quá trình lan tỏa tri thức trong cộng đồng. Để hình thành văn hóa học tập số, cần có sự chuyển dịch sâu rộng về tư duy và nhận thức trong toàn xã hội.

4.4. Thách thức về an toàn, an ninh mạng và niềm tin.

Sự gia tăng của các vấn đề an toàn, an ninh mạng như tin giả, lừa đảo trực tuyến, tấn công mạng và rò rỉ dữ liệu cá nhân là một mối lo ngại lớn, làm suy giảm niềm tin của người dân vào môi trường số (Nguyễn Xuân Hoài, 2023). Khi người học cảm thấy không an toàn, họ sẽ ngần ngại tham gia vào các cộng đồng trực tuyến, chia sẻ thông tin hoặc sử dụng các nền tảng học tập số. Điều này cản trở sự hình thành một văn hóa học tập số cởi mở và tin cậy.

4.5. Thiếu cơ chế khuyến khích và công nhận hợp tác số.

Hiện tại, chưa có đủ các cơ chế rõ ràng để khuyến khích các cá nhân và tổ

chức tham gia tích cực vào việc xây dựng cộng đồng học tập số và chia sẻ tri thức. Việc công nhận các đóng góp tri thức trên môi trường số, hoặc các chứng chỉ học tập phi chính quy, vẫn còn hạn chế, làm giảm động lực của người học và người chia sẻ.

Những thách thức này đòi hỏi một cách tiếp cận đa diện, đồng bộ và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bên liên quan để thực sự phát triển văn hóa học tập số tại Việt Nam.

V. Kết luận và đề xuất giải pháp

5.1. Kết luận

Văn hóa học tập số đã khẳng định vai trò không thể thiếu như một động lực cốt lõi để kết nối cộng đồng và lan tỏa tri thức trong kỷ nguyên mới. Nó không chỉ phá vỡ các rào cản truyền thống mà còn thúc đẩy học tập cộng tác, đồng kiến tạo tri thức, nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục và kích thích đổi mới sáng tạo. Một văn hóa học tập số mạnh mẽ là nền tảng vững chắc cho sự phát triển của xã hội học tập, giúp mỗi cá nhân và cả quốc gia thích ứng và thịnh vượng trong bối cảnh chuyển đổi số. Thực trạng tại Việt Nam cho thấy nhiều nỗ lực và tiềm năng lớn, song cũng còn đối mặt với những thách thức đáng kể về khoảng cách số, chất lượng học liệu, nhận thức xã hội và an ninh mạng. Để vượt qua những thách thức này và hiện thực hóa tầm nhìn về một Việt Nam số, việc thúc đẩy văn hóa học tập số cần được coi là một ưu tiên chiến lược.

5.2. Đề xuất giải pháp và kiến nghị chính sách

Để xây dựng và củng cố văn hóa học tập số, kết nối cộng đồng và lan tỏa tri thức tại Việt Nam, bài viết đề xuất một số nhóm giải pháp chiến lược sau:

5.2.1. Hoàn thiện chính sách và khuôn khổ pháp lý đồng bộ

Việc thiết lập một nền tảng chính sách và khuôn khổ pháp lý đồng bộ là bước đi nền tảng để thúc đẩy văn hóa học tập số.

Đầu tiên, cần xây dựng một Chiến lược quốc gia về văn hóa học tập số chuyên biệt. Chiến lược này phải tích hợp rõ ràng các mục tiêu về năng lực số, học tập suốt đời, hợp tác số và lan tỏa tri thức. Quan trọng là Chiến lược cần có lộ trình, mục tiêu và chỉ số đánh giá cụ thể để theo dõi tiến độ và hiệu quả.

Đồng thời, cần ban hành chính sách khuyến khích và công nhận rõ ràng. Các chính sách này nhằm khuyến khích mạnh mẽ cá nhân và tổ chức tham gia xây dựng, đóng góp cho các cộng đồng học tập số và chia sẻ tri thức mở. Đặc biệt, cần công nhận rộng rãi giá trị pháp lý và chuyên môn của các chứng chỉ học tập trực tuyến, phi chính quy và các đóng góp tri thức số để tạo động lực cho người học.

Bên cạnh đó, việc xây dựng khung pháp lý về dữ liệu mở và tài liệu giáo dục mở là thiết yếu. Khung pháp lý này phải đặt ra các quy định rõ ràng về quyền sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn chất lượng và cơ chế chia sẻ để tối đa hóa sự lan tỏa và tiếp cận tri thức một cách hợp pháp và hiệu quả.

5.2.2. Đầu tư chiến lược vào hạ tầng số và phát triển nền tảng học tập quốc gia

Đề tạo đà cho văn hóa học tập số, việc đầu tư chiến lược vào hạ tầng số và phát triển nền tảng học tập quốc gia là không thể thiếu.

Trước hết, cần thực hiện Phổ cập hạ tầng số chất lượng cao và bao trùm. Điều này đòi hỏi phải tiếp tục ưu tiên đầu tư vào hạ tầng băng thông rộng (cáp quang, 5G)

với chất lượng cao và giá cả hợp lý, đồng thời mở rộng phạm vi phủ sóng đến các vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa. Quan trọng hơn, Chính phủ cần có chính sách hỗ trợ thiết bị đầu cuối thông minh cho các hộ gia đình và cá nhân có thu nhập thấp để giảm thiểu khoảng cách số về khả năng tiếp cận.

Song song đó, cần đẩy mạnh Phát triển các nền tảng học tập quốc gia tích hợp. Các nền tảng này phải được xây dựng với kiến trúc mở và có khả năng liên thông giữa các cấp học và các loại hình đào tạo khác nhau (từ giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học đến học tập suốt đời). Các nền tảng này cần tích hợp công nghệ tiên tiến như AI để cá nhân hóa việc học, tăng cường tương tác cộng đồng và hỗ trợ người dùng tự kiến tạo nội dung.

Bên cạnh đó, cần khuyến khích hệ sinh thái EdTech trong nước. Bằng cách tạo môi trường thuận lợi, áp dụng chính sách ưu đãi, thành lập quỹ đầu tư mạo hiểm và các chương trình ươm tạo, Chính phủ sẽ thúc đẩy các doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ giáo dục (EdTech) phát triển các giải pháp học tập số sáng tạo, phù hợp với bối cảnh đặc thù của Việt Nam.

5.2.3. Nâng cao năng lực số toàn diện và thay đổi tư duy

Để củng cố văn hóa học tập số, việc nâng cao năng lực số toàn diện và thay đổi tư duy trong cộng đồng là mục tiêu then chốt.

Đầu tiên, cần phát triển Chương trình đào tạo năng lực số đa dạng và phù hợp. Các chương trình này phải được thiết kế và triển khai theo từng cấp độ và đối tượng cụ thể từ người cao tuổi, nông dân, lao động phổ thông, đến công chức, học sinh, sinh viên. Điều quan trọng là các chương trình cần vượt ra ngoài những kỹ

năng số cơ bản, mà phải chú trọng phát triển tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, sáng tạo và đạo đức số.

Đồng thời, cần tập trung đào tạo đội ngũ giảng viên và người hướng dẫn số. Thực hiện các chương trình tập huấn để nâng cao năng lực số và kỹ năng sư phạm số cho đội ngũ giáo viên, giảng viên và cán bộ thư viện. Mục tiêu là để họ trở thành những người kiến tạo, hướng dẫn và truyền cảm hứng hiệu quả cho văn hóa học tập số.

Bên cạnh đó, cần tổ chức chiến dịch truyền thông và giáo dục cộng đồng rộng rãi và liên tục trên phạm vi quốc gia. Chiến dịch này nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của học tập suốt đời và năng lực số, đồng thời khuyến khích tư duy mở, tinh thần chia sẻ và thái độ chủ động học hỏi trong mọi tầng lớp xã hội.

5.2.4. Xây dựng môi trường an toàn và tin cậy cho học tập số

Cùng với việc nâng cao năng lực và thay đổi tư duy, cần chú trọng Giáo dục về an toàn và đạo đức số. Việc này đòi hỏi phải tích hợp kiến thức về an toàn thông tin, phòng chống tin giả, nhận diện lừa đảo trực tuyến và các nguyên tắc đạo đức khi tham gia môi trường số vào tất cả các chương trình giáo dục và phổ cập năng lực số.

Song song đó, cần tăng cường các biện pháp an ninh mạng. Đầu tư vào các giải pháp an ninh mạng tiên tiến là cần thiết để bảo vệ dữ liệu cá nhân, hệ thống học tập và thông tin quốc gia. Điều này sẽ giúp xây dựng niềm tin vững chắc cho người dân khi tham gia vào các hoạt động học tập và tương tác số.

Thực hiện đồng bộ và hiệu quả những đề xuất này sẽ góp phần thu hẹp khoảng cách số, xây dựng một văn hóa

học tập số mạnh mẽ, kết nối các cộng đồng học tập số và lan tỏa tri thức một cách hiệu quả. Đây chính là nền tảng vững chắc để Việt Nam đạt được các mục tiêu phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và xây dựng một xã hội thông minh, linh hoạt và công bằng trong kỷ nguyên số.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được sự quan tâm, tạo điều kiện của trường Đại học Mở Hà Nội trong chương trình Hội thảo Quốc gia với chủ đề “Xã hội học tập số - Động lực phát triển bền vững”.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Chính trị. (2019). Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
- [2]. Bộ Khoa học và Công nghệ. (2022). Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030.
- [3]. Bộ Thông tin và Truyền thông. (2023). Sách trắng Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt Nam 2022. Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông.
- [4]. Bùi Thị Mai Hương. (2023). Chuyển đổi số trong giáo dục đại học ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp. Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, 39(1), 12-23.
- [5]. Dweck, C. S. (2006). *Mindset: The New Psychology of Success*. Random House.
- [6]. Ferrari, A. (2013). *DigComp: A Framework for Developing and Understanding Digital Competence in Europe*. European Commission, Joint Research Centre.
- [7]. Knowles, M. S. (1975). *Self-Directed Learning: A Guide for Learners and Teachers*. Association Press.
- [8]. Kruzmetra, Z., Bite, D., & Kronberga,

- G. (2016). Cultural environment as a potential for society renewal, *International Journal of Innovation and Economic Development*, 2(1), 7-14.
- [9]. Nguyễn Thị Lan Hương. (2022). Phát triển năng lực số cho người dân trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Xã hội*, 56(3), 45-58.
- [10]. Nguyễn Xuân Hoài. (2023). Thách thức và giải pháp đảm bảo an toàn thông tin trong giáo dục trực tuyến tại Việt Nam. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Đại học Thái Nguyên)*, 231(03), 11-18.
- [11]. Organisation for Economic Co-operation and Development (OECD). (2016). *Skills for a Digital World*. OECD Publishing.
- [12]. Schwab, K. (2016). *The Fourth Industrial Revolution*. Crown Business.
- [13]. Siemens, G. (2005). Connectivism: A learning theory for the digital age. *International Journal of Instructional Technology and Distance Learning*, 2(1), 3-10.
- [14]. Thủ tướng Chính phủ. (2020a). Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.
- [15]. Thủ tướng Chính phủ. (2021a). Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”.
- [16]. Trần Khánh Dư. (2020). Thúc đẩy học tập suốt đời trong kỷ nguyên số tại Việt Nam. *Tạp chí Giáo dục*, 4(475), 25-30.
- [17]. UNESCO. (2015). *Rethinking Education: Towards a global common good?*. UNESCO Publishing.
- [18]. UNESCO. (2021a). *Futures of Education: Learning to Become*. UNESCO Publishing.
- [19]. Wenger, E. (1998). *Communities of Practice: Learning, Meaning, and Identity*. Cambridge University Press.

DIGITAL LEARNING CULTURE CONNECTING COMMUNITIES AND DISSEMINATING KNOWLEDGE

Nguyen Hai Long³, Nguyen Quoc Duy⁴

Abstract: *In the context of digital transformation and the eruption of the Fourth Industrial Revolution (Industry 4.0), digital learning culture plays a pivotal role as a key driver, not only reshaping how individuals acquire knowledge but also how communities interact and disseminate knowledge effectively. This article systematically analyzes the mechanisms through which a digital learning culture facilitates community connection, fosters collaboration, and promotes co-creation of knowledge, thereby expanding the scope and speed of information flow. Furthermore, the article assesses the current state of digital learning culture development in Vietnam, identifying specific opportunities and challenges. The research findings suggest that nurturing a digital learning culture is a national development strategy that contributes to building a flexible, sustainable learning society, bridging the digital divide, and enhancing national competitiveness in the knowledge era. Based on these findings, a multi-dimensional framework of solutions is proposed to accelerate this process in Vietnam.*

Keywords: *Digital learning culture, learning community, knowledge dissemination, digital transformation, lifelong learning, digital citizenship, digital collaboration*

³ Army Academy, Ministry of National Defence

⁴ Political Academy, Ministry of National Defence